



CẬP NHẬT QUÝ

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC: HOSE)

Giá mục tiêu: 67.000 Đồng

Khuyến nghị: KHẢ QUAN

Tăng giá: 16,7%

06/04/2026



Đón chờ tăng trưởng

Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với VHC, với giá mục tiêu 12 tháng là 67.000 đồng/cp (từ mức 70.000 đồng/cp trước đây). Mặc dù tăng trưởng lợi nhuận năm 2025 phần nào che lấp xu hướng sụt giảm của doanh thu, rủi ro từ mức thuế quan cao từ thị trường Mỹ được đánh giá là ít đáng lo ngại hơn trong năm 2026. Bên cạnh đó, nguồn cung cá thịt trắng suy giảm trên thị trường toàn cầu có thể hỗ trợ nhu cầu đối với cá tra trong thời gian tới.

Luận điểm đầu tư

- **Kết quả sơ bộ POR21 góp phần củng cố lợi thế cạnh tranh.** VHC tiếp tục hưởng mức thuế chống bán phá giá sơ bộ 0 USD/kg, so với các doanh nghiệp khác là 0,23-0,29 USD/kg, mang lại lợi thế khoảng 5-10% ở mức giá bán hiện nay tại thị trường Mỹ. Kết luận cuối cùng dự kiến công bố vào tháng 6/2026.
- **Nguồn cung cá thịt trắng dự kiến sụt giảm hỗ trợ nhu cầu cá tra,** sau khi hạn ngạch đánh bắt cá tuyết ở Biển Barents bị cắt giảm 21% (mức thấp nhất trong ba thập kỷ) trong khi nguồn cung cá minh thái cũng dự kiến giảm. Trong bối cảnh đó, cá tra là sản phẩm thay thế trực tiếp tại thị trường EU và Mỹ. **Doanh thu 2 tháng đầu năm 2026 của VHC tăng 11% svck.** Doanh thu sản phẩm cá tra tăng 13% svck, trong đó doanh thu tại Mỹ tăng 22% svck, chiếm khoảng 40% tổng doanh thu cá tra.
- Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2026 sẽ lần lượt đạt 13,4 nghìn tỷ đồng (+12% svck) và 1,4 nghìn tỷ đồng (+3% svck). **Tại mức giá 57.400 đồng/cp, VHC hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 là 9x,** phù hợp với mức trung bình 5 năm là 9x. Với tiềm năng tăng giá là 17%, chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN.

Điểm nhấn KQKD

- **Trong năm 2025, LNST đạt 1.415 tỷ đồng (+11,4% svck) vượt 12% so với kịch bản cao nhất của Ban lãnh đạo.** Tuy nhiên, doanh thu đạt 12.026 tỷ đồng (-3,9% svck), thấp hơn 11% so với dự báo của chúng tôi. Biên lợi nhuận tăng là động lực đóng góp vào tăng trưởng lợi nhuận. Q4/2025 ghi nhận KQKD kém khả quan: doanh thu -14,7% svck, LNST -43,4% svck, biên lợi nhuận gộp giảm 250 điểm cơ bản xuống 15,8%.

Tóm tắt các chỉ tiêu chính

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	13.239	10.033	12.513	12.026	13.422
Tăng trưởng doanh thu thuần (%)	46,2%	-24,2%	24,7%	-3,9%	11,6%
Biên lợi nhuận gộp (%)	22,5%	14,9%	15,1%	16,5%	16,2%
NPATMI	1.977	919	1.226	1.363	1.409
EPS (VND)	10.672	4.216	5.408	6.012	6.215
Tăng trưởng EPS (%)	78%	-60%	28%	11%	3%
Tỷ suất cổ tức (%)	3%	3%	3%	4%	4%
ROE	30%	12%	15%	15%	14%
D/E	0,31	0,26	0,25	0,20	0,23
P/E (x)	6,5	17,6	13,0	9,3	9,2
P/B (x)	1,7	1,7	1,8	1,3	1,2
EV/EBITDA (x)	4,7	8,3	7,5	4,6	4,8

Nguồn: VHC, SSI Research

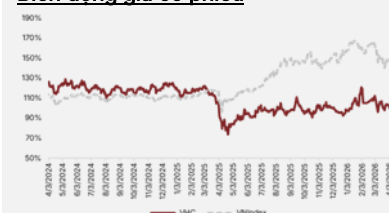
Đặng Trần Minh

Chuyên viên Phân tích Cổ phiếu

minhdt@ssi.com.vn

Giá CP - VND (06/04/26)	57.400
Vốn hóa (USDmn):	491
SLCP lưu hành (triệu cp):	224
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	1,6
Giá cao/thấp 52T (k VND):	69,2/42,3
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	3,4
Tỷ lệ SHNN (%):	19,9
GTNN còn được mua (USDmn):	393,5
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	5,3

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

VHC là nhà xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của VHC là xuất khẩu cá tra phi lê đông lạnh và sản xuất các loại phụ phẩm và sản phẩm về cá. VHC là một trong số ít những công ty thủy sản Việt Nam có chuỗi cung ứng tích hợp sở hữu toàn bộ chuỗi giá trị từ nuôi trồng, sản xuất thức ăn thủy sản, chế biến, sản xuất cá đông lạnh và lưu trữ kho lạnh.

Nhìn lại năm 2025

Tỷ đồng	4Q25	4Q24	YoY	3Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							4Q25	4Q24	3Q25	2024
Doanh thu thuần	2.715	3.183	-14,7%	3.471	-21,8%	110%				
Lợi nhuận gộp	429	582	-26,3%	584	-26,5%		15,8%	18,3%	16,8%	15,1%
Lợi nhuận hoạt động	267	435	-38,6%	510	-47,6%		9,8%	13,7%	14,7%	11,3%
EBIT	298	486	-38,6%	546	-45,3%		11,0%	15,3%	15,7%	12,5%
EBITDA	422	605	-30,3%	666	-36,7%		15,5%	19,0%	19,2%	16,1%
Lợi nhuận trước thuế	286	469	-38,9%	535	-46,4%		10,6%	14,7%	15,4%	11,9%
Lợi nhuận ròng	245	432	-43,4%	455	-46,2%	112%	9,0%	13,6%	13,1%	10,4%
Lợi nhuận ròng cổ đông công ty mẹ	222	418	-46,8%	433	-48,7%		8,2%	13,1%	12,5%	9,8%

Nguồn: VHC, SSI Research

Tỷ đồng	2025	2024	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận	
					2025	2024
Doanh thu thuần	12.026	12.513	-3,9%	110%		
Lợi nhuận gộp	1.983	1.895	4,7%		16,5%	15,1%
Lợi nhuận hoạt động	1.599	1.412	13,2%		13,3%	11,3%
EBIT	1.740	1.558	11,7%		14,5%	12,5%
EBITDA	2.222	2.014	10,3%		18,5%	16,1%
Lợi nhuận trước thuế	1.686	1.485	13,5%		14,0%	11,9%
Lợi nhuận ròng	1.451	1.303	11,4%	112%	12,1%	10,4%
Lợi nhuận ròng cổ đông công ty mẹ	1.363	1.226	11,2%		11,3%	9,8%

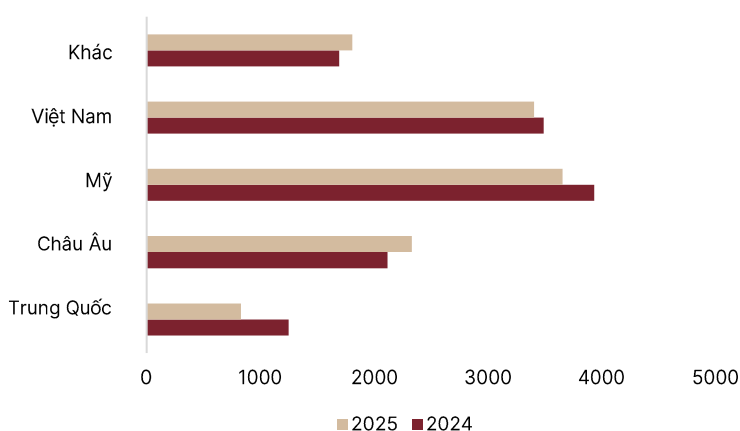
Nguồn: VHC, SSI Research

KQKD Q4/2025 kém khả quan. VHC khép lại năm 2025 với lợi nhuận ròng cả năm đạt 1.451 tỷ đồng (+11,4% svck), cao hơn 12% so với kịch bản cao nhất của Ban lãnh đạo và phù hợp với dự báo của chúng tôi (1.449 tỷ đồng). Tuy nhiên, chất lượng doanh thu không đạt kỳ vọng. Doanh thu cả năm 2025 đạt 12.026 tỷ đồng, giảm 3,9% svck và thấp hơn 11% so với dự báo của chúng tôi, cho thấy tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu đến từ mở rộng biên lợi nhuận (thay vì tăng trưởng doanh thu). Nguyên nhân đến từ sự sụt giảm trong Q4/2025: doanh thu giảm 14,7% svck và 21,8% so với quý trước, trong khi lợi nhuận ròng giảm 43,4% svck xuống quý thấp nhất kể từ mức đáy trong Q4/2023. Biên lợi nhuận gộp thu hẹp 250 điểm cơ bản svck xuống 15,8%, một phần do công ty trích lập lại dự phòng hàng tồn kho, sau khi ghi nhận khoản hoàn nhập trong Q2/2025.

Lũy kế năm 2025, biên lợi nhuận gộp đạt 16,5%, cao hơn 80 điểm cơ bản so với dự báo của chúng tôi (15,7%), nhờ giá bán bình quân tốt hơn dự kiến và chi phí đầu vào ổn định. Biên lợi nhuận ròng đạt 12,1%, tăng 170 điểm cơ bản svck, trong khi ROE duy trì ở mức 15,3%, được hỗ trợ bởi thu nhập tài chính trong Q3. Tỷ lệ nợ ròng/EBITDA giảm xuống gần bằng 0, giảm áp lực nợ cho doanh nghiệp.

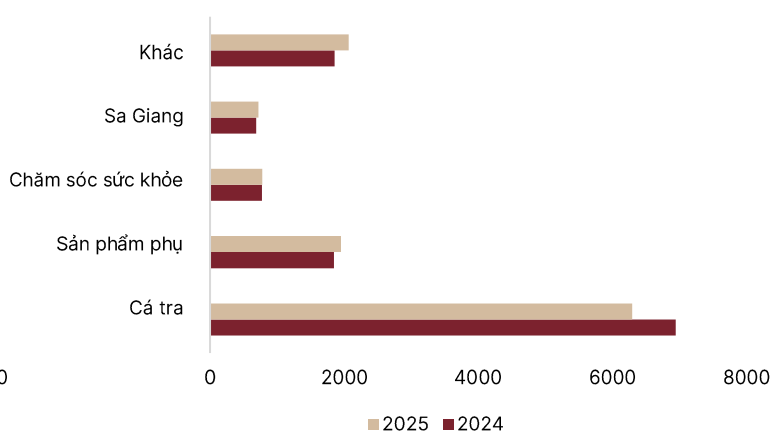
Doanh thu từ thị trường Mỹ yếu là mối lo ngại chính. Việc doanh thu tại thị trường Mỹ thấp hơn 11% so với dự báo đã phản ánh hiệu ứng tích trữ đơn hàng sớm trước rủi ro thuế quan: mức thuế cao được công bố của năm ngoài có thể khiến các đơn hàng được đẩy sớm trong nửa đầu năm 2025, tạo ra sự hụt hơi trong nhu cầu nửa cuối năm. Doanh thu cá tra 2 tháng đầu năm 2026 tăng 13% svck, trong đó doanh thu tại Mỹ tăng mạnh 22% svck, phần nào phản ánh nhu cầu đang dần phục hồi trở lại.

Doanh thu tại Trung Quốc và Mỹ giảm, trong khi EU tăng nhẹ (tỷ đồng)

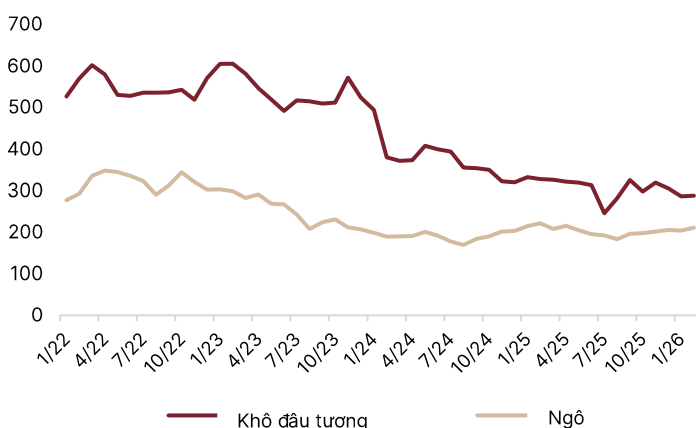


Nguồn: VHC

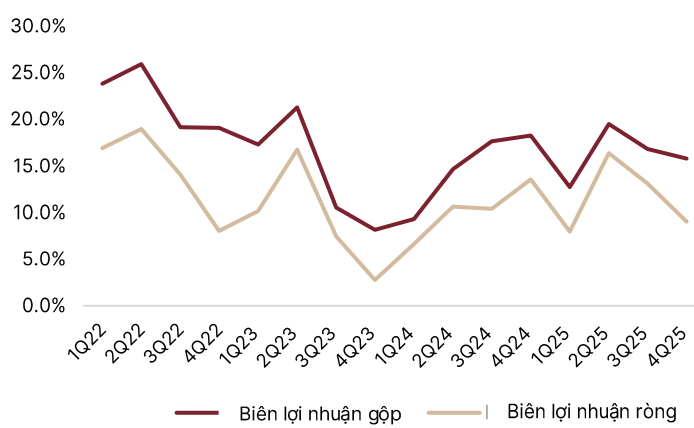
Doanh thu cá tra giảm (tỷ đồng)



Nguồn: VHC

Triển vọng giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hiện vẫn ổn định (USD/tấn)**Diễn biến biên lợi nhuận của VHC qua các năm**

Nguồn: FRED



Nguồn: VHC

Kết quả sơ bộ POR21 củng cố lợi thế cạnh tranh của VHC. Theo kết quả sơ bộ về thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ (POR21), VHC được áp mức thuế 0 USD/kg, trong khi các doanh nghiệp khác chịu mức thuế cao hơn đáng kể: ANV và CASEAMEX là 0,23 USD/kg, Biển Đông là 0,29 USD/kg. Các mức thuế này tương đương khoảng 5–10% so với mặt bằng giá bán khoảng 2,80–3,0 USD/kg tại thị trường Mỹ. Kết luận cuối cùng dự kiến được công bố vào tháng 6/2026.

Bảng: Tóm tắt kết quả thuế chống bán phá giá

Công ty	POR19 (USD/kg)	POR20 (USD/kg)	POR21 (sơ bộ, USD/kg)
CTCP Vĩnh Hoàn	0	0	0
CTCP Nam Việt	0	0	0,23
CTCP Thủy sản NTSF	n/a	0	0,07
Công ty TNHH Chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	0	0	0
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	0,18	0	0,29
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX)	0,18	0	0,23
Mức thuế suất toàn quốc	2,39	2,39	2,39

Nguồn: Federal Register

Nguồn cung cá thịt trắng toàn cầu dự kiến giảm 2,2% svck trong năm 2026¹, sau khi hạn ngạch đánh bắt cá tuyết tại Biển Barents bị cắt giảm 21%, xuống mức thấp nhất trong ba thập kỷ. Trong khi đó, giá cá thịt trắng vẫn duy trì ở mức cao, khiến cá tra và cá rô phi trở thành các sản phẩm thay thế hấp dẫn tại thị trường EU và Mỹ. Đối với cá rô phi, sản lượng được dự báo tăng 3,3%, tuy nhiên giá thành đang chịu áp lực giảm do nguồn cung dồi dào.

Chi phí đầu vào tăng mạnh có thể dẫn tới thiếu hụt nguồn cung trong nước vào nửa cuối năm. Giá cá tra nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long đã tăng mạnh lên 33.000–34.000 đồng/kg (+20% so với đầu năm), chủ yếu do thiếu hụt cá giống kéo dài từ năm 2025. Dù mức lợi nhuận hiện tại khá hấp dẫn, nhiều người nuôi cá tra đang cân nhắc giảm quy mô hoặc tạm dừng, do lo ngại giá giảm trong bối cảnh chi phí nuôi gia tăng. Cụ thể, tình hình bất ổn tại Trung Đông đã đẩy chi phí sản xuất của nông dân toàn cầu tăng, có thể khiến giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đi lên (theo FAO). Trong bối cảnh đó, tỷ lệ tự cung ứng từ vùng nuôi riêng của VHC (ước tính chiếm 60–70% tổng sản lượng) được kỳ vọng sẽ làm giảm áp lực biến động chi phí.

Động thái mua cổ phiếu và cổ phiếu quỹ cho thấy niềm tin của Ban lãnh đạo. Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã phê duyệt kế hoạch mua lại 15 triệu cổ phiếu (tương đương khoảng 6,7% lượng cổ phiếu lưu hành) với giá tối đa 63.000 đồng/cổ phiếu. Trong tháng 1/2026, con gái Chủ tịch HĐQT VHC cũng đã mua vào 5,7 triệu cổ phiếu. Vào năm 2019, VHC cũng đã công bố kế hoạch mua lại 2 triệu cổ phiếu nhưng chỉ hoàn thành khoảng 70% khối lượng đăng ký. Động thái mua cổ phiếu quỹ cho thấy Ban lãnh đạo đánh giá cổ phiếu đang có mức định giá thấp.

¹ Triển vọng nguồn cung cá thịt trắng toàn cầu năm 2026 theo Tradex Foods

Triển vọng và luận điểm đầu tư

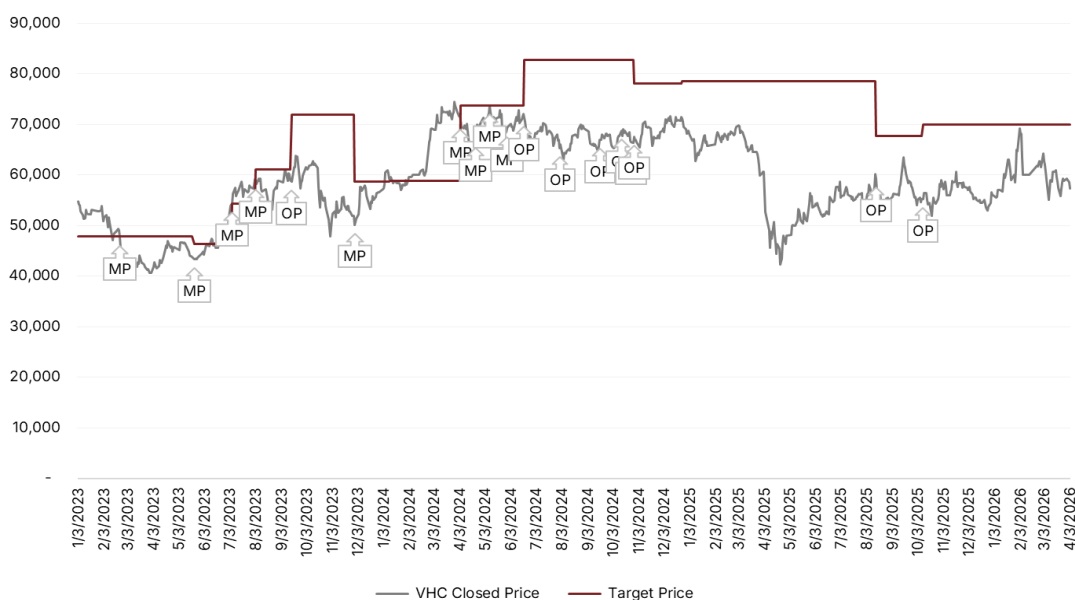
Chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiêu thụ tại thị trường Mỹ của VHC sẽ tăng trưởng mạnh từ nửa cuối năm 2026, khi kết luận cuối cùng POR21 được ban hành, thuế theo Điều khoản 122 bị bãi bỏ sau tháng 7/2026, và nguồn cung cá thịt trắng tiếp tục giảm, qua đó thúc đẩy nhu cầu chuyển sang cá tra. Dù môi trường vĩ mô vẫn còn nhiều biến động (đặc biệt là nhu cầu tại Mỹ và chi phí đầu vào), chúng tôi cho rằng mức việc sở hữu vùng nuôi cùng doanh thu từ các mảng kinh doanh khác sẽ giúp VHC giảm thiểu phần nào áp lực lên biên lợi nhuận.

Chúng tôi dự báo doanh thu và LNST năm 2026 lần lượt đạt 13,4 nghìn tỷ đồng (+12% svck) và 1,4 nghìn tỷ đồng (+3% svck), dựa trên giả định VHC duy trì tăng trưởng nhẹ sản lượng, trong khi giá bán bình quân tăng khoảng 3% so với năm trước. Chi phí nguyên liệu dự kiến đi ngang hoặc tăng nhẹ, nhờ việc tự chủ vùng nuôi giúp bù đắp phần nào tác động từ giá cá giống và cá nguyên liệu tăng, dù bất ổn tại Trung Đông vẫn là rủi ro.

Tại mức giá 57.400 đồng/cp, VHC đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 là 9x, tương đương mức trung bình 5 năm (9x). Chúng tôi giảm giá mục tiêu 12 tháng xuống 67.000 đồng/cp (tương đương P/E mục tiêu 11x, giá mục tiêu cũ là 70.000 đồng/cổ phiếu), dựa trên phương pháp DCF kết hợp P/E. Với tiềm năng tăng giá là 17%, chúng tôi duy trì khuyến nghị Khả quan đối với VHC.

Rủi ro: Chi phí đầu vào tăng mạnh hơn dự kiến, nhu cầu suy yếu do tác động của vĩ mô.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương	233	570	2.008	4.928
+ Đầu tư ngắn hạn	2.069	2.340	2.357	2.305
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.578	2.201	2.030	1.810
+ Hàng tồn kho	3.763	2.915	2.771	2.436
+ Tài sản ngắn hạn khác	245	213	165	112
Tổng tài sản ngắn hạn	7.888	8.238	9.332	11.590
+ Các khoản phải thu dài hạn	3	2	3	3
+ GTCL Tài sản cố định	3.383	3.415	3.310	3.434
+ Bất động sản đầu tư	0	0	239	239
+ Tài sản dài hạn dở dang	160	109	102	146
+ Đầu tư dài hạn	67	69	56	56
+ Tài sản dài hạn khác	441	400	380	399
Tổng tài sản dài hạn	4.054	3.996	4.090	4.277
Tổng tài sản	11.943	12.234	13.422	15.867
+ Nợ ngắn hạn	3.233	3.184	3.382	4.763
Trong đó: vay ngắn hạn	2.157	2.277	2.046	2.563
+ Nợ dài hạn	119	57	52	80
Trong đó: vay dài hạn	102	0	0	25
Tổng nợ phải trả	3.351	3.241	3.435	4.843
+ Vốn góp	1.870	2.245	2.245	2.245
+ Thặng dư vốn cổ phần	264	264	264	264
+ Lợi nhuận chưa phân phối	6.213	6.168	7.048	7.994
+ Quỹ khác	244	318	431	522
Vốn chủ sở hữu	8.591	8.994	9.987	11.024
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	11.943	12.234	13.422	15.867
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	547	2.073	2.078	3.327
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-793	-855	-408	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-73	-880	-231	92
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-319	338	1.440	2.919
Tiền đầu kỳ	553	233	570	2.008
Tiền cuối kỳ	233	570	2.008	4.928
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,44	2,59	2,76	2,43
Hệ số thanh toán nhanh	1,20	1,61	1,89	1,90
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,71	0,91	1,29	1,52
Nợ ròng / EBITDA	1,15	0,93	0,39	-0,52
Khả năng thanh toán lãi vay	9,59	21,25	32,19	23,45
Ngày phải thu	64,8	48,0	53,0	41,9
Ngày phải trả	16,2	10,1	11,2	18,3
Ngày tồn kho	140,6	114,8	103,3	84,5
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,72	0,74	0,74	0,69
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,28	0,26	0,26	0,31
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,36	0,34	0,44
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,25	0,20	0,23
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,25	0,25	0,20	0,23

Nguồn: VHC, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	10.033	12.513	12.026	13.422
Giá vốn hàng bán	-8.540	-10.618	-10.043	-11.250
Lợi nhuận gộp	1.493	1.895	1.983	2.173
Doanh thu hoạt động tài chính	377	423	364	312
Chi phí tài chính	-229	-217	-107	-142
Thu nhập từ các công ty liên kết	1	2	0	0
Chi phí bán hàng	-216	-297	-252	-268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-308	-358	-316	-353
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.118	1.450	1.673	1.721
Thu nhập khác	27	35	13	21
Lợi nhuận trước thuế	1.145	1.485	1.686	1.743
Lợi nhuận ròng	974	1.303	1.451	1.500
Lợi nhuận chia cho cổ đông	919	1.226	1.363	1.409
Lợi ích của cổ đông thiểu số	55	76	88	91
EPS cơ bản (VND)	4.216	5.408	6.012	6.215
Giá trị sổ sách (VND)	44.629	38.651	42.573	46.788
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	1.278	1.558	1.740	1.820
EBITDA	1.681	2.014	2.222	2.196
Tăng trưởng				
Doanh thu	-24,2%	24,7%	-3,9%	11,6%
EBITDA	-38,8%	19,8%	10,3%	-1,2%
EBIT	-47,1%	21,9%	11,7%	4,6%
Lợi nhuận ròng	-51,7%	33,8%	11,4%	3,4%
Vốn chủ sở hữu	11,7%	4,7%	11,0%	10,4%
Vốn điều lệ	2,0%	20,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	3,1%	2,4%	9,7%	18,2%
Định giá				
P/E	17,6	13,0	9,3	9,3
P/B	1,7	1,8	1,3	1,2
Giá/Doanh thu	1,4	1,2	1,0	1,0
Tỷ suất cổ tức	2,7%	2,8%	3,6%	3,4%
EV/EBITDA	8,3	7,5	4,6	4,9
EV/Doanh thu	1,4	1,2	0,9	0,8
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	14,9%	15,1%	16,5%	16,2%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	11,3%	11,3%	13,3%	11,8%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	9,7%	10,4%	12,1%	11,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,2%	2,4%	2,1%	2,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,1%	2,9%	2,6%	2,6%
ROE	12,0%	14,8%	15,3%	14,3%
ROA	8,3%	10,8%	11,3%	10,2%
ROIC	10,4%	12,4%	12,9%	12,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Thủy sản

Đặng Trần Minh

Chuyên viên Phân tích cổ phiếu

minhdtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321